

Số: **529a/QĐ-HVTTNVN**

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành chương trình đào tạo đại học**  
**ngành Công tác Thanh thiếu niên**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo đại học ngành Công tác Thanh thiếu niên, mã số: 7760102 (có văn bản chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Chương trình đào tạo này được thực hiện cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2023 - 2024.

**Điều 3.** Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Công tác Thanh thiếu niên và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa CTTN.



**GIÁM ĐỐC**

**TS. Nguyễn Hải Đăng**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC THANH THIẾU NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 529a/QĐ-HVTTNVN, ngày 17/8/2023  
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)*

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH**

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác Thanh thiếu niên
- + Tên tiếng Anh: Youth Work
- + Mã số ngành đào tạo: 7760102
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Thời gian đào tạo chuẩn toàn khoá: 4 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam công bố đầu năm dương lịch.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác Thanh thiếu niên
- + Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor Youth Work
- + Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

**2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**2.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

- Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, chưa kể các học giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC).
- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:
  - + Giáo dục đại cương: 42 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 42 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ.
  - + Cơ sở ngành: 29 tín chỉ.
  - + Ngành và chuyên ngành (nếu có chuyên sâu): 49 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 45 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ;
- Tỷ lệ tín chỉ thực hành/tổng số tín chỉ là: 38%

## 2.2. Khung chương trình đào tạo

| TT                                                                                                                            | Mã học phần | Tên học phần                     | Số tín chỉ |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------|------------|
| <b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (42 tín chỉ) không bao gồm Giáo dục thể chất (3TC, Giáo dục quốc phòng - an ninh (8TC)</b> |             |                                  |            |
| <b>1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)</b>                                                                                    |             |                                  |            |
| 1                                                                                                                             | CT1101      | Triết học Mác-Lênin              | 3          |
| 2                                                                                                                             | CT1102      | Kinh tế chính trị Mác-Lênin      | 2          |
| 3                                                                                                                             | CT1103      | Chủ nghĩa xã hội khoa học        | 2          |
| 4                                                                                                                             | CT1104      | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam   | 2          |
| 5                                                                                                                             | CT1105      | Tư tưởng Hồ Chí Minh             | 2          |
| <b>1.2. Khoa học xã hội (16 tín chỉ)</b>                                                                                      |             |                                  |            |
| 1                                                                                                                             | XH1106      | Tâm lý học đại cương             | 2          |
| 2                                                                                                                             | XH1107      | Xã hội học đại cương             | 2          |
| 3                                                                                                                             | TN1108      | Phương pháp nghiên cứu khoa học  | 2          |
| 4                                                                                                                             | CT1109      | Khoa học quản lý                 | 2          |
| 5                                                                                                                             | CT1111      | Khởi nghiệp trong thanh niên     | 2          |
| 6                                                                                                                             | L1112       | Pháp luật đại cương              | 2          |
| 7                                                                                                                             | CT1113      | Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị | 2          |
| 8                                                                                                                             | CB1117      | Cơ sở văn hoá Việt Nam           | 2          |
| <b>1.3. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)</b>                                                                                             |             |                                  |            |
| 9                                                                                                                             | CB1115      | Tiếng Anh 1                      | 3          |
| 10                                                                                                                            | CB1116      | Tiếng Anh 2                      | 3          |
| <b>1.4. Tin học - Khoa học tự nhiên (5 tín chỉ), giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh</b>                                  |             |                                  |            |
| 11                                                                                                                            | CB1110      | Thống kê trong khoa học xã hội   | 2          |
| 12                                                                                                                            | CB1114      | Tin học đại cương                | 3          |
| 13                                                                                                                            | CB1121      | Giáo dục thể chất                |            |
| 14                                                                                                                            | CB1122      | Giáo dục quốc phòng - an ninh    |            |

| <b>1.5. Các học phần tự chọn (chọn 2/4 học phần, 4/8 tín chỉ)</b> |         |                                                           |   |
|-------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------|---|
| 15                                                                | XH1118  | Tâm lý học phát triển                                     | 2 |
| 16                                                                | TN1119  | Các vấn đề xã hội của thanh niên                          | 2 |
| 17                                                                | NN13037 | Tổ chức và điều hành công sở                              | 2 |
| 18                                                                | CT1120  | Lôgic học đại cương                                       | 2 |
| <b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (78 tín chỉ)</b>           |         |                                                           |   |
| <b>2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (29 tín chỉ)</b>               |         |                                                           |   |
| 19                                                                | TN12020 | Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên                | 3 |
| 20                                                                | TN12021 | Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên             | 3 |
| 21                                                                | TN12022 | Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi      | 3 |
| 22                                                                | TN12023 | Kỹ năng truyền thông                                      | 2 |
| 23                                                                | TN12024 | Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh                            | 4 |
| 24                                                                | TN12025 | Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh                             | 2 |
| 25                                                                | TN12026 | Xây dựng các tổ chức thanh niên                           | 2 |
| 26                                                                | TN12027 | Giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi                 | 3 |
| 27                                                                | TN12028 | Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên | 2 |
| 28                                                                | TN12029 | Âm nhạc đại cương                                         | 2 |
| 29                                                                | TN12030 | Múa hát tập thể                                           | 3 |
| <b>2.2. Kiến thức của ngành (39 tín chỉ)</b>                      |         |                                                           |   |
| <b>2.2.1. Kiến thức bắt buộc (35 tín chỉ)</b>                     |         |                                                           |   |
| 30                                                                | TN13031 | Phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh                | 3 |
| 31                                                                | TN13032 | Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh               | 3 |
| 32                                                                | TN13033 | Phương pháp công tác Hội                                  | 3 |
| 33                                                                | TN13034 | Phương pháp công tác thiếu nhi                            | 3 |
| 34                                                                | TN13035 | Nghị thức Đội TNTP Hồ Chí Minh                            | 3 |

|                                                                                 |         |                                                                                                                           |   |
|---------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| 35                                                                              | TN13036 | Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên                                                                                  | 3 |
| 36                                                                              | TN13037 | Kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi                                                                                   | 3 |
| 37                                                                              | TN13038 | Kỹ năng thuyết trình                                                                                                      | 2 |
| 38                                                                              | TN13039 | Tổ chức sự kiện                                                                                                           | 3 |
| 39                                                                              | TN13040 | Tiếng Anh 3                                                                                                               | 2 |
| 40                                                                              | TN14041 | Thực tập công tác thanh niên                                                                                              | 4 |
| 41                                                                              | TN14042 | Thực tập công tác thiếu nhi                                                                                               | 3 |
| <b>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2/3 học phần, 4/7 tín chỉ)</b>                |         |                                                                                                                           |   |
| 42                                                                              | TN13043 | Chính sách, pháp luật về thanh thiếu nhi                                                                                  | 2 |
| 43                                                                              | TN13044 | Vũ quốc tế                                                                                                                | 2 |
| 44                                                                              | CC13041 | Xử lý khủng hoảng                                                                                                         | 3 |
| <b>2.3. Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ), Khóa luận và tương đương 6 tín chỉ</b> |         |                                                                                                                           |   |
| 45                                                                              | TN14048 | Thực tập tốt nghiệp                                                                                                       | 4 |
| 46                                                                              | TN15049 | Khoá luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần trong khối kiến thức tự chọn mà sinh viên chưa học thay thế khoá luận tốt nghiệp | 6 |

### 2.3. Kế hoạch dạy học

#### NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1- 2)

| HỌC KỲ 1 |                                                      |            |                      |
|----------|------------------------------------------------------|------------|----------------------|
| TT       | Tên học phần                                         | Số tín chỉ | Điều kiện tiên quyết |
| 1        | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                          | 2          | Không                |
| 2        | Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi | 3          | Không                |
| 3        | Kỹ năng truyền thông                                 | 2          | Không                |
| 4        | Tin học đại cương                                    | 3          | Không                |
| 5        | Tâm lý học đại cương                                 | 2          | Không                |
| 6        | Xã hội học đại cương                                 | 2          | Không                |
| 7        | Lựa chọn 1 học phần tự chọn trong                    | 2          | Không                |

|                 |                                   |                   |                             |
|-----------------|-----------------------------------|-------------------|-----------------------------|
|                 | khối kiến thức giáo dục của ngành |                   |                             |
| <b>Tổng</b>     |                                   | <b>16</b>         |                             |
| <b>HỌC KỲ 2</b> |                                   |                   |                             |
| <b>TT</b>       | <b>Tên học phần</b>               | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Điều kiện tiên quyết</b> |
| 1               | Triết học Mác-Lênin               | 3                 | Không                       |
| 2               | Thống kê trong khoa học xã hội    | 2                 | Không                       |
| 3               | Pháp luật đại cương               | 2                 | Không                       |
| 4               | Phương pháp nghiên cứu khoa học   | 2                 | Không                       |
| 5               | Kỹ năng thuyết trình              | 2                 | Không                       |
| 6               | Khởi nghiệp trong thanh niên      | 2                 | Không                       |
| 7               | Âm nhạc đại cương                 | 2                 | Không                       |
| <b>Tổng</b>     |                                   | <b>15</b>         |                             |

### NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3-4)

|                 |                                                                     |                   |                                                      |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------|
| <b>HỌC KỲ 3</b> |                                                                     |                   |                                                      |
| <b>TT</b>       | <b>Tên học phần</b>                                                 | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Điều kiện tiên quyết</b>                          |
| 1               | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                           | 2                 | Triết học Mác-Lênin                                  |
| 2               | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                | 2                 | Triết học Mác-Lênin                                  |
| 3               | Lựa chọn 1 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương | 2                 |                                                      |
| 4               | Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên                          | 3                 | Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi |
| 5               | Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh                                      | 4                 | Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi |
| 6               | Tiếng Anh 1                                                         | 3                 | Không                                                |
| <b>Tổng</b>     |                                                                     | <b>16</b>         |                                                      |

| <b>HỌC KỲ 4</b> |                                                                     |                   |                                |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|
| <b>TT</b>       | <b>Tên học phần</b>                                                 | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Điều kiện tiên quyết</b>    |
| 1               | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                                      | 2                 | Triết học Mác-Lênin            |
| 2               | Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị                                    | 2                 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam |
| 3               | Múa hát tập thể                                                     | 3                 | Không                          |
| 4               | Khoa học quản lý                                                    | 2                 | Không                          |
| 5               | Cơ sở văn hóa Việt Nam                                              | 2                 | Không                          |
| 6               | Tiếng Anh 2                                                         | 3                 | Tiếng Anh 1                    |
| 7               | Lựa chọn 1 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương | 2                 |                                |
| <b>Tổng</b>     |                                                                     | <b>16</b>         |                                |

### NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

| <b>HỌC KỲ 5</b> |                                                                 |                   |                                            |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------|
| <b>TT</b>       | <b>Tên học phần</b>                                             | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Điều kiện tiên quyết</b>                |
| 1               | Phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh                      | 3                 | Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh             |
| 2               | Xây dựng các tổ chức thanh niên                                 | 2                 | Không                                      |
| 3               | Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên                   | 3                 | Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên |
| 4               | Lựa chọn 1 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục ngành | 2                 |                                            |
| 5               | Phương pháp công tác thiếu nhi                                  | 3                 | Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên |
| 6               | Tiếng Anh 3                                                     | 2                 | Tiếng Anh 2                                |
| <b>Tổng</b>     |                                                                 | <b>15</b>         |                                            |

| <b>HỌC KỲ 6</b> |                                                           |                   |                                                                                                                           |
|-----------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>TT</b>       | <b>Tên học phần</b>                                       | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Điều kiện tiên quyết</b>                                                                                               |
| 1               | Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên                  | 3                 | Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên                                                                                |
| 2               | Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh                             | 2                 | Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên                                                                                |
| 3               | Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh                            | 3                 | Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh                                                                                             |
| 4               | Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên | 2                 | Không                                                                                                                     |
| 5               | Thực tập công tác thanh niên                              | 4                 | Phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh<br>Xây dựng các tổ chức thanh niên<br>Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên |
| 6               | Thực tập công tác thiếu nhi                               | 3                 | Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh<br>Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh<br>Phương pháp công tác thiếu nhi                         |
| <b>Tổng</b>     |                                                           | <b>17</b>         |                                                                                                                           |

### NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7-8)

| <b>HỌC KỲ 7</b> |                                             |                   |                                            |
|-----------------|---------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------|
| <b>TT</b>       | <b>Tên học phần</b>                         | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Điều kiện tiên quyết</b>                |
| 1               | Kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi     | 3                 | Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên |
| 2               | Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 3                 | Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh             |
| 3               | Phương pháp công tác Hội                    | 3                 | Xây dựng các tổ chức thanh niên            |

|                 |                                                                 |                   |                                     |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| 4               | Tổ chức sự kiện                                                 | 3                 | Không                               |
| 5               | Giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi                       | 3                 | Không                               |
| <b>Tổng</b>     |                                                                 | <b>15</b>         |                                     |
| <b>HỌC KỲ 8</b> |                                                                 |                   |                                     |
| <b>TT</b>       | <b>Tên học phần</b>                                             | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Điều kiện tiên quyết</b>         |
| 1               | Thực tập tốt nghiệp                                             | 4                 | Hoàn thành các môn học chuyên ngành |
| 2               | Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp | 6                 | Theo quy định của Học viện          |
| <b>Tổng</b>     |                                                                 | <b>10</b>         |                                     |

### 3. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

#### 3.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

| TT | Phương pháp dạy học       | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Phương pháp thuyết giảng  | Giảng viên giới thiệu, trình bày, giải thích, phân tích những kiến thức cơ bản trong học phần, cung cấp những tri thức nền tảng cho sinh viên song thuyết giảng theo lối tương tác, kết hợp với các phương pháp khác để tránh giảng dạy thụ động. |
| 2  | Phương pháp bài tập       | Giảng viên giao sinh viên các câu hỏi dưới dạng bài viết tự luận hoặc bài tập thực hành để sinh viên củng cố kiến thức, luyện tập kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề liên quan đến chủ đề học tập.                                                 |
| 3  | Phương pháp làm việc nhóm | Giảng viên điều hành cho sinh viên chia thành các nhóm học tập, hướng dẫn sinh viên hợp tác trong nhóm, cùng nhau nghiên cứu và giải quyết các vấn đề do giảng viên đặt ra.                                                                       |
| 4  | Phương pháp thảo luận     | Tương tự với với phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp này tạo môi trường cho sinh viên tham gia vào quá trình giao tiếp, hợp tác để thảo luận về các ý tưởng hoặc giải quyết các vấn đề                                                        |

|   |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                    | theo sự hướng dẫn của giảng viên.                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5 | Phương pháp nghiên cứu tình huống  | Giảng viên cung cấp cho sinh viên các bản mô tả về sự kiện, tình huống diễn ra trong thực tiễn nghề nghiệp giúp sinh viên củng cố kiến thức, vận dụng tri thức đã được học cùng kinh nghiệm thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong tình huống.                                                    |
| 6 | Phương pháp thực hành              | Phương pháp thực hành giúp sinh viên hình thành các kỹ năng thông qua hệ thống các thao tác và hoạt động làm mẫu của giảng viên. Đây là phương pháp quan trọng để giảng dạy các học phần kỹ năng, nghiệp vụ công tác thanh thiếu niên.                                                              |
| 7 | Phương pháp pháp vấn               | Giảng viên đặt câu hỏi, gợi mở và khích lệ sinh viên trả lời dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết thực tiễn của bản thân.                                                                                                                                                                          |
| 8 | Phương pháp thực tập tại các cơ sở | Phương pháp này áp dụng đối với các học phần thực tế, thực tập, giúp sinh viên có môi trường quan sát, thực hành, nghiên cứu tại các cơ sở nghề nghiệp. Từ đó, củng cố tri thức chuyên ngành, xây dựng phẩm chất, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp bám sát yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. |
| 9 | Phương pháp tự học có hướng dẫn    | Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, học liệu, cập nhật và bổ sung các kiến thức, kỹ năng nâng cao trong quá trình học tập học phần.                                                                                                                                              |

### 3.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

| TT | Hình thức           |              | Mục đích đánh giá                                                                    | Phương pháp đánh giá | Trọng số |
|----|---------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|
| 1  | Đánh giá chuyên cần |              | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp quan sát | 10%      |
| 2  | Đánh                | 2.1. Bài tập | Đánh giá mức độ hoàn thành                                                           | Phương               | 30%      |

|   |                            |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                          |     |
|---|----------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----|
|   | giá quá trình              | thảo luận, thực hành nhóm           | nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tương tác, giao tiếp, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên                                                                                                                                                                          | pháp quan sát, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động |     |
|   |                            | 2.2. Bài kiểm tra tự luận/tiểu luận | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát, hệ thống hóa vấn đề, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên                                                                                                                                                                         | Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động                |     |
|   |                            | 2.3. Bài kiểm tra trắc nghiệm       | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, phát hiện, nhận diện bản chất vấn đề thông qua hệ thống câu hỏi lựa chọn từ những phương án cho trước                                                                                                                                                              |                                                          |     |
|   |                            | 2.4. Vấn đáp                        | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá vấn đề, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ nói của sinh viên                                                                                                                                                                          |                                                          |     |
| 3 | Đánh giá kết thúc học phần | 3.1. Bài thi tự luận                | Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi học tập học phần của sinh viên, tập trung chủ yếu vào trình độ lập luận, liên kết số liệu, dữ kiện, rút ra ý nghĩa bài học kinh nghiệm và vận dụng vào thực tiễn của sinh viên thông qua ngôn ngữ viết | Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động                | 60% |
|   |                            | 3.2. Báo cáo/tiểu luận              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                          |     |
|   |                            | 3.3. Vấn đáp                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                          |     |

|  |                |                                                                                                                                                                                              |  |  |
|--|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |                | sinh viên, tập trung chủ yếu vào trình độ lập luận, liên kết số liệu, dữ kiện, rút ra ý nghĩa bài học kinh nghiệm và vận dụng vào thực tiễn của sinh viên thông qua ngôn ngữ nói             |  |  |
|  | 3.4. Thực hành | Đánh giá mức độ vận dụng, áp dụng của sinh viên sau khi học tập các học phần kỹ năng, nghiệp vụ, tập trung chủ yếu vào các thao tác, quy trình thực hiện các hoạt động cụ thể của sinh viên. |  |  |

#### 4. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

| STT | Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)                                                                     | Mô tả tóm tắt học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Triết học Mác-Lênin</b><br><b>Phylosophy of Marxist - Leninist</b><br><b>MHP: CT1101</b>                           | Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác - Lênin; xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.                                                                            |
| 2   | <b>Kinh tế chính trị Mác - Lênin</b><br><b>Marxism - Leninism</b><br><b>Political Economics</b><br><b>MHP: CT1102</b> | Kinh tế chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. |
|     | <b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b><br><b>Scientific socialism</b>                                                       | Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|   |                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | <b>MHP: CT1103</b>                                                                                          | chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 4 | <b>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</b><br><b>History of Vietnamese Communist Party</b><br><b>MHP: CT1104</b> | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).                                        |
| 5 | <b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b><br><b>Ho Chi Minh's Ideology</b><br><b>MHP: CT1105</b>                          | Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. |
| 6 | <b>Tâm lý học đại cương</b><br><b>General psychology</b><br><b>MHP: XH1106</b>                              | Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.                                                                              |
| 7 | <b>Xã hội học đại cương</b><br><b>General Sociology</b><br><b>MHP: XH1107</b>                               | Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: Chương 1, những vấn đề chung về xã hội học gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Chương 2, cung cấp cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành một        |

|    |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                               | cuộc điều tra xã hội học; Chương 3 môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt đó là xã hội học thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 8  | <b>Phương pháp nghiên cứu khoa học</b><br><b>Methodology of Scientific of research</b><br><b>MHP: CT 1108</b> | Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 9  | <b>Khoa học quản lý</b><br><b>Management Science)</b><br><b>MHP: CT1109</b>                                   | Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về khoa học quản lý như cơ sở hình thành hoạt động quản lý và ngành khoa học quản lý; các quan niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của một hệ thống quản lý, các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tổ chức, các đặc điểm của khoa học quản lý; Các lịch sử tư tưởng và lý thuyết quản lý từ phương đông, phương Tây thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại; Học phần mô tả các hoạt động trong hệ thống quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành, quản lý nhân lực, kiểm soát. Các nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý; Phân tích và thiết kế tổ chức; Thông tin trong quản lý; Quyết định quản lý và nhà lãnh đạo trong quản lý tổ chức. Từ đó hình thành thái độ đúng khi trở thành thành viên trong các tổ chức, có những hành vi, ứng xử phù hợp khi quản lý là tất yếu của tổ chức. |
| 10 | <b>Thống kê trong khoa học xã hội</b><br><b>Statistics for social sciences</b><br><b>MHP: CB1110)</b>         | Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|    | <b>Khởi nghiệp trong thanh niên</b>                                                                           | Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|    |                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | <b>Entrepreneurship in Youth</b><br><b>MHP: CT1111</b>                                                       | trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên. |
| 12 | <b>Pháp luật đại cương</b><br><b>General Law</b><br><b>MHP: L1112</b>                                        | Pháp luật đại cương là một môn khoa học cơ sở, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 13 | <b>Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị</b><br><b>The party leads the political system</b><br><b>MHP: CT1113</b> | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị, đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam; mục tiêu, quan điểm, giải pháp xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đặc biệt vai trò của Đoàn TNCS trong hệ thống chính trị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 14 | <b>Tin học đại cương</b><br><b>General informatics</b><br><b>MHP: CB 1112</b>                                | Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.                                                                                                                                                                                                                               |
| 15 | <b>Tiếng Anh 1</b><br><b>English 1</b>                                                                       | Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|    |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | <b>MHP: CB1113</b>                                                                               | các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 16 | <b>Tiếng Anh 2</b><br><b>English 2</b><br><b>MHP: CB1114</b>                                     | Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 17 | <b>Vũ Quốc tế</b><br><b>International Dance</b><br><b>MHP: TN13044</b>                           | Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 18 | <b>Cơ sở văn hoá Việt Nam</b><br><b>Introduction to Vietnamese Culture</b><br><b>MHP: CB1117</b> | Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam (từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ). |
| 19 | <b>Tâm lý học phát triển</b><br><b>Developmental Psychology</b><br><b>MHP: XH1118</b>            | Nội dung học phần Tâm lý học phát triển đề cập đến những kiến thức cơ bản về lý luận của sự phát triển tâm lý người, các quy luật chung của sự phát triển tâm lý cá nhân, đồng thời cung cấp những kiến thức cụ thể về các điều kiện phát triển tâm lý và các đặc điểm tâm lý cơ bản ở từng giai đoạn lứa tuổi khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|    |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                      | nhau. Từ đó, sinh viên có cách nhìn khoa học về những thuận lợi, khó khăn của từng giai đoạn lứa tuổi và có cách ứng xử phù hợp trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp sau này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 20 | <b>Các vấn đề xã hội của thanh niên</b><br><b>Youth issues</b><br><b>MHP: TN1119</b>                                 | Học phần Các vấn đề xã hội của thanh niên trang bị cho sinh viên những yêu cầu đặt ra, giải pháp và mô hình tăng cường Đoàn kết tập hợp thanh niên trong giai đoạn hiện nay cũng như việc đấu tranh phòng ngừa diễn biến hòa bình trong thanh thiếu niên; Tác động của thông tin truyền thông đến thanh thiếu niên và phương thức tập hợp thanh niên thông qua mạng xã hội, Hướng dẫn sử dụng mạng xã hội. Từ đó, hình thành cho sinh viên các kỹ năng, phương thức hoạt động hiệu quả trong tổ chức phong trào công tác thanh thiếu niên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 21 | <b>Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên</b><br><b>Theory of youth work</b><br><b>MHP: TN12020</b>              | Học phần Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành đào tạo Công tác thanh thiếu niên. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng thuộc cơ sở lý luận về công tác thanh thiếu niên, đó là: Hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến thanh thiếu niên và công tác thanh thiếu niên; Những vấn đề lý luận cốt lõi của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh thiếu niên và công tác thanh thiếu niên. Đây là những nội dung tri thức lý luận nền tảng giúp người học nhìn nhận, đánh giá, tổ chức triển khai những hoạt động liên quan đến tình hình thanh thiếu niên và công tác Đoàn, Hội, Đội, phong trào thanh thiếu niên một cách khách quan, đúng đắn, hiệu quả.                                                  |
| 22 | <b>Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên</b><br><b>State management of youth work</b><br><b>MHP: TN12021</b> | Học phần Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên là một môn khoa học chuyên ngành nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành công tác thanh thiếu niên tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về những khái niệm và nguyên tắc trong quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên; Chính sách phát triển thanh niên; Bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên; Đặc điểm, nội dung, phương thức quản lý nhà nước về công tác thanh niên; Nhà nước và việc cung cấp các dịch vụ thiếu nhi; Hoạt động truyền thông và đào tạo bồi dưỡng nhân lực trong quản lý nhà nước về công tác thiếu nhi. Qua đó, cung cấp kiến thức chuyên ngành công tác thanh thiếu niên và quản lý nhà nước, góp phần hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. |
|    | <b>Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu</b>                                                              | Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành đào tạo Công tác thanh thiếu niên. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|    |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23 | <b>nhi</b><br><b>History of the Ho Chi Minh Communist Youth Union, Viet Nam Youth Federation, Viet Nam National Union of Students, Ho Chi Minh Young Pioneers' Organization and the youth movement</b><br><b>MHP: TN12022</b> | về quá trình ra đời, hình thành và phát triển của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các phong trào thanh thiếu nhi, các cuộc vận động, các chương trình hoạt động tiêu biểu của thanh thiếu nhi qua các thời kì cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự dẫn dắt định hướng của các tổ chức thanh thiếu nhi kể trên từ khi thành lập đến nay. Học phần giúp người hình thành thái độ học tập đúng đắn, tinh thần tự lực, tự cường và trách nhiệm cao đối với thành quả cách mạng mà các thế hệ cha anh đã gây dựng; phát huy tính tích cực, tự giác, xung kích tình nguyện tham gia các phong trào hành động cách mạng do tổ chức Đoàn, Hội, Đội tổ chức; biết vận dụng kiến thức và kinh nghiệm trong phát động, tổ chức triển khai các phong trào thanh thiếu nhi một cách hiệu quả tại địa phương, cơ sở. |
| 24 | <b>Kỹ năng truyền thông</b><br><b>Communication skills</b><br><b>MHP: TN12023</b>                                                                                                                                             | Học phần Kỹ năng truyền thông cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về truyền thông. Sinh viên có thể nắm vững các kiến thức về truyền thông, nguyên tắc truyền thông cơ bản và vận dụng các kỹ năng cơ bản như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hội họp, kỹ năng giao tiếp nơi công sở, làm việc nhóm và kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn vào phục vụ mục tiêu học tập, công tác và trong công tác thanh thiếu nhi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 25 | <b>Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh</b><br><b>Building the Ho Chi Minh Communist Youth Union</b><br><b>MHP: TN12024</b>                                                                                                         | Học phần Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên có hệ thống những kiến thức cơ bản về đối tượng và những cơ sở khoa học về công tác tổ chức xây dựng Đoàn; Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Những nội dung nghiệp vụ cơ bản về công tác đoàn viên, công tác cán bộ đoàn, công tác xây dựng tổ chức cơ sở đoàn, công tác Đoàn tham gia xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị, công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo của Đoàn, tạo nền tảng kiến thức cho sinh viên trong nghiên cứu các môn khoa học tiếp theo của ngành công tác thanh thiếu niên và vận dụng trong thực tiễn làm việc sau này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 26 | <b>Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh</b><br><b>Building the Ho Chi Minh Young Pioneers' Organization</b><br><b>MHP: TN12025</b>                                                                                                   | Môn Xây dựng tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh là một môn khoa học nghiên cứu về quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ thống tổ chức của Đội, sinh hoạt Đội, lực lượng dự bị của Đội, những vấn đề về đội viên, Ban chỉ huy đội, phụ trách Đội, công tác kiểm tra, khen thưởng và kỉ luật của Đội TNTP Hồ Chí Minh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|    |                                                                                                                                                                                                                               | Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; Hội Sinh viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

|    |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27 | <b>Xây dựng các tổ chức thanh niên</b><br><b>Build youth organizations</b><br><b>MHP: TN12026</b>                                                         | Việt nam; Các tổ chức theo nghề nghiệp và sở thích của thanh niên Việt Nam (Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam; Hội Trí thức Khoa học và Công nghệ trẻ Việt nam); Một số Câu lạc bộ tiêu biểu (Câu lạc bộ Thanh niên khuyết tật Việt Nam; Câu lạc bộ nghệ sỹ trẻ Việt Nam). Đồng thời, giúp người học nắm được quy trình thành lập, duy trì hoạt động và phát triển các tổ chức thanh niên, phát huy vai trò của thanh niên và các tổ chức thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.                                                                                                                                                                                        |
| 28 | <b>Giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi</b><br><b>Life skills education for children</b><br><b>MHP: TN12027</b>                                      | Học phần trang bị cho người học những vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi. Đồng thời, học phần cũng đề cập đến những nội dung cụ thể nhằm hình thành kỹ năng sống cho người học như năng tự nhận thức; kỹ năng xác định mục tiêu; kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề; kỹ năng ứng phó với căng thẳng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 29 | <b>Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên</b><br><b>Methods of capturing and orienting youth public opinion</b><br><b>MHP: TN12028</b> | Học phần Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng của dư luận xã hội. Đồng thời người học có thể nắm được các phương pháp, mục tiêu nắm bắt định hướng dư luận cho thanh niên hiện nay và vận dụng sáng tạo trong công tác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 30 | <b>Âm nhạc đại cương</b><br><b>General music</b><br><b>MHP: TN12029</b>                                                                                   | Học phần Âm nhạc đại cương cung cấp cho người học các kiến thức đại cương về âm nhạc như: Lịch sử hình thành và phát triển của âm nhạc thế giới, âm nhạc Việt Nam; Các thể loại âm nhạc; Hệ thống lý thuyết âm nhạc cơ bản. Sau khi học xong học phần này, người học sẽ hiểu được các kiến thức âm nhạc cơ bản, đọc được những bản nhạc đơn giản, qua đó làm nền tảng để phát triển năng khiếu, sở thích và thị hiếu cá nhân, vận dụng vào tổ chức các hoạt động công tác Đoàn và phong trào thanh niên.                                                                                                                                                                                                       |
| 31 | <b>Múa hát tập thể</b><br><b>Group singing and dancing</b><br><b>MHP: TN12030</b>                                                                         | Trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật thực hành múa: giúp sinh viên nắm bắt được chính xác về lý thuyết, hiểu và thực hành chính xác được những động tác múa cơ bản. Nắm bắt được đặc trưng và tính chất từng điệu múa của các dân tộc, thực hành nhuần nhuyễn các điệu múa đã được học trong chương trình. Sinh viên nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản, hiểu rõ môn học và ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Từ đó sinh viên thực hành được chính xác các tư thế tay chân, dáng người, vẻ mặt. Cảm thụ âm nhạc của từng dân tộc để thực hiện vào các động tác cơ bản. Vận dụng từ các động tác cơ bản để biên đạo, dàn dựng thành các tổ hợp hoặc các tác phẩm. |
|    | <b>Phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh</b>                                                                                                         | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát trong phương pháp công tác Đoàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|    |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 | <b>Working methods of Ho Chi Minh Communist Youth Union</b><br><b>MHP: TN13031</b>                                                        | <p>TNCS Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực tổ chức, xây dựng phong trào, kiểm tra giám sát hoạt động, công tác hành chính văn phòng. Trang bị các kiến thức cơ bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Từ đó sinh viên hiểu những nội dung cơ bản về lý luận và thực tiễn, những đặc điểm, quan điểm cơ bản, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của công tác kiểm tra, giám sát của Đoàn. Những yêu cầu về xây dựng mô hình và phong trào thanh niên, cơ sở khoa học của quá trình xây dựng mô hình và tổ chức các phong trào thanh niên, góp phần hình thành kỹ năng tham mưu, thiết kế tổ chức triển khai thực hiện các mô hình, các phong trào, các chương trình hành động cách mạng, các công trình thanh niên cho đội ngũ cán bộ đoàn. Nắm được quy trình tổ chức, các thao tác cơ bản của kỹ năng xây dựng mô hình, tổ chức một phong trào thanh niên, từ đó vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể tại địa phương, đơn vị.</p>                             |
| 33 | <b>Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh</b><br><b>Educational work of Ho Chi Minh Communist Youth Union</b><br><b>MHP: TN13032</b> | <p>Học phần Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Công tác thanh thiếu niên. Học phần giúp trang bị cho người học tri thức về những vấn đề cơ bản trong Công tác giáo dục của Đoàn, bao gồm: hệ thống các khái niệm cơ bản, vai trò của tổ chức Đoàn trong giáo dục đoàn viên thanh niên, vai trò của công tác giáo dục của Đoàn, các mục tiêu, nguyên tắc, các yêu cầu cơ bản trong công tác giáo dục của Đoàn. Đặc biệt học phần trang bị cho người học hệ thống các nội dung giáo dục cốt lõi của Đoàn, các phương thức giáo dục đặc trưng của Đoàn, các mô hình giáo dục thanh niên tiêu biểu trong thực tiễn hoạt động của tổ chức Đoàn hiện nay. Qua đó, học phần giúp hình thành cho người học năng lực vận dụng kiến thức cơ bản để nhìn nhận đúng đắn về hoạt động giáo dục thanh thiếu niên, tổ chức và triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục đoàn viên thanh niên tại các cấp bộ Đoàn ở địa phương, cơ sở.</p> |
| 34 | <b>Phương pháp công tác Hội</b><br><b>Working methods of Vietnam Youth Union</b><br><b>MHP: TN13033</b>                                   | <p>Môn học Phương pháp công tác Hội giúp cho sinh viên nắm được: các quy định, quy tắc, nguyên lý, nguyên tắc trong hoạt động của các hội, những kiến thức cơ bản về quy trình thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong tổ chức, hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam. Từ đó, trang bị cho sinh viên hệ thống các kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong tổ chức, hoạt động Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các hội nghề nghiệp của thanh niên Việt Nam.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|    | <b>Phương pháp công tác</b>                                                                                                               | <p>Môn phương pháp công tác thiếu nhi trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về phương</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|    |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35 | <b>thiếu nhi</b><br><b>Methods of children's work</b><br><b>MHP: TN13034</b>                                               | <p>pháp công tác thiếu nhi, những khái niệm cơ bản về thiếu nhi. Không những thế, môn học còn chỉ rõ vị trí, vai trò của tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh, của Phụ trách thiếu nhi trong công tác thiếu nhi. Đồng thời cung cấp những kiến thức về nguyên tắc tổ chức các hoạt động giáo dục thiếu nhi, nội dung và hình thức hoạt động giáo dục thiếu nhi, phương pháp công tác thiếu nhi, phương pháp công tác của người phụ trách thiếu nhi nhằm giúp phụ trách Đội, phụ trách thiếu nhi tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục thiếu nhi trong nhà trường và ở địa bàn dân cư.</p>                                                                          |
| 36 | <b>Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh</b><br><b>Ho Chi Minh Youth Union Team etiquette</b><br><b>MHP: TN13035</b>              | <p>Học phần Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên hiểu rõ về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học và những vấn đề cơ bản về Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Phân tích được nội dung về Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Từ đó, sinh viên thực hiện thành thạo những nội dung của Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Hướng dẫn thực hành đúng nội dung Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Vận dụng Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh vào hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.</p>                                                                                                                                                      |
| 37 | <b>Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên</b><br><b>Skills in organizing youth activities</b><br><b>MHP: TN13036</b>     | <p>Học phần Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên cung cấp cho sinh viên các tri thức cơ bản về Kỹ năng tổ chức hoạt động; chức năng và vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của kỹ năng tổ chức hoạt động trong công tác thanh niên. Biết phân tích được cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động và hiểu quy trình tổ chức hoạt động trong công tác thanh niên. Từ đó sinh viên có thể vận dụng thành thực quy trình tổ chức các hoạt động thanh niên và xây dựng chương trình, kế hoạch, thiết kế và tổ chức được các hoạt động trong công tác thanh niên. Qua đó hình thành thái độ làm việc có trách nhiệm, chuyên nghiệp trong tổ chức hoạt động thanh niên.</p> |
| 38 | <b>Kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi</b><br><b>Skills in organizing children's activities</b><br><b>MHP: TN13037</b> | <p>Môn học kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi là môn khoa học cung cấp kiến thức cơ bản về: Cách tiến hành, quy trình tổ chức các hoạt động trò chơi, hội trại, hội thi, Nhà thiếu nhi, câu lạc bộ thiếu nhi, thiết kế các hoạt động thiếu nhi và thăm quan dã ngoại thiếu nhi. Thực hành được các kiến thức trên và trở thành kỹ năng để vận dụng vào quá trình tổ chức hoạt động cho thiếu nhi qua đó sinh viên có thể thiết kế và tổ chức các hoạt động phong trào cho thiếu niên nhi đồng ở cơ sở.</p>                                                                                                                                                 |
| 39 | <b>Kỹ năng thuyết trình</b><br><b>Presentation skill</b>                                                                   | <p>Học phần Kỹ năng thuyết trình trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thuyết trình, đồng thời giúp người học hoàn thiện kỹ năng thuyết trình trong thực tế công việc và cuộc sống của mình. Người học được cung cấp kiến thức và kỹ năng về</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|    |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | <b>MHP: TN13038</b>                                                                            | những vấn đề tổng quan về thuyết trình; các bước chuẩn bị cho một bài thuyết trình; trình tự một bài thuyết trình và các kỹ năng ứng dụng trong quá trình thuyết trình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 40 | <b>Tổ chức sự kiện</b><br><b>Organize events</b><br><b>MHP: TN13039</b>                        | Môn học Tổ chức sự kiện trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 41 | <b>Tiếng Anh 3</b><br><b>English 3</b><br><b>MHP: TN13040</b>                                  | Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Luật và các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. Các chủ đề chính bao gồm: legal systems (hệ thống pháp luật), legal professionals (chuyên gia pháp lý), civil law (luật dân sự), criminal law (luật hình sự), business law (luật doanh nghiệp), contract (hợp đồng), employment law (luật lao động), economic law (luật kinh tế), commercial law (luật thương mại) và international law (luật quốc tế). Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận với nhiều chủ đề hữu ích, quen thuộc khác trong lĩnh vực Luật học ở các bài học mở rộng (phần tự học). Các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy độc lập, logic, tích cực và năng động được chú trọng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, dịch. |
| 42 | <b>Thực tập công tác thanh niên</b><br><b>Practicing youth work</b><br><b>MHP: TN14041</b>     | Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng, phương pháp thực hành nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội. Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động của thanh niên và tổ chức Đoàn, Hội cũng như các tổ chức chính trị - xã hội khác; Biết tham mưu, đề xuất với lãnh đạo về chương trình, kế hoạch và huy động nguồn lực tổ chức thực hiện các công tác thông tin tuyên truyền, hoạt động quần chúng, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu, quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, thanh niên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 43 | <b>Thực tập công tác thiếu nhi</b><br><b>Practicing children's work</b><br><b>MHP: TN14042</b> | Học phần Thực tập công tác thiếu nhi giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành nghiệp vụ công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh; Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động thiếu nhi; Biết tham mưu, đề xuất về chương trình, kế hoạch và huy động nguồn lực tổ chức thực hiện các công tác thông tin tuyên truyền, hoạt động quần chúng, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thiếu nhi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|    |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 44 | <p><b>Chính sách, pháp luật về thanh thiếu nhi</b></p> <p><b>Policies and laws on children</b></p> <p><b>MHP: TN13043</b></p>        | <p>Chính sách, pháp luật về thanh thiếu nhi là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp các kiến thức pháp lý- thực tiễn về những vấn đề chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và trẻ em, bao gồm: phát triển thanh niên, quản lý nhà nước về công tác thanh niên, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em,.... Ngoài ra, học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về tâm lý thanh niên, trẻ em, phương pháp làm việc cùng thanh niên và trẻ em trên thực tế. Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về khái niệm, bản chất đặc thù, nội dung cơ bản của pháp luật về thanh niên và trẻ em cũng như những vấn đề về chính sách, pháp luật liên quan đến các đối tượng này đang đặt ra trên thực tế.</p> |
| 45 | <p><b>Phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh</b></p> <p><b>In charge of the Ho Chi Minh Youth Union Team</b></p> <p><b>MHP: TN13045</b></p>  | <p>Môn học phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về phương pháp công tác của người phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội đồng Đội các cấp, đồng thời vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào chỉ đạo, tổ chức các hoạt động cho tổ chức Đội và thiếu nhi ở cơ sở</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 46 | <p><b>Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên</b></p> <p><b>Build a team of youth workers</b></p> <p><b>MHP: TN13046</b></p> | <p>Học phần Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên là một môn khoa học chuyên ngành nằm trong nhóm các môn tự chọn thay thế môn tốt nghiệp chuyên ngành công tác thanh thiếu niên tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về hệ thống khái niệm của môn học; Vai trò, chức năng, nhiệm vụ, đặc trưng cũng như những yêu cầu về phẩm chất, nhân cách của người cán bộ làm công tác thanh niên; Kỹ năng, nghiệp vụ cán bộ làm công tác thanh niên; Quan điểm, mục tiêu, nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên. Qua đó, góp phần hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.</p>                                                    |
| 47 | <p><b>Hợp tác quốc tế về công tác thanh niên</b></p> <p><b>International affairs for youth</b></p> <p><b>MHP: TN13047</b></p>        | <p>Học phần Hợp tác quốc tế về công tác thanh niên là một môn khoa học chuyên ngành nằm trong nhóm các môn tự chọn thay thế môn tốt nghiệp chuyên ngành công tác thanh thiếu niên tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về: nội dung, nguyên tắc, phương thức hợp tác quốc tế về công tác thanh niên; Giới thiệu mô hình tổ chức thanh niên của các nước trên thế giới; Mối quan hệ hợp tác quốc tế của các tổ chức thanh niên ở Việt Nam với tổ chức thanh niên các nước trên thế giới. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về công tác thanh niên và phong trào thanh niên; trong tổ chức, hoạt động của các tổ chức thanh niên. Từ đó, người học sẽ có kỹ năng làm việc để thích</p>                                 |

|    |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                   | ứng và hòa nhập nhanh với thực tiễn nghề nghiệp ngay cả khi học tập, thực tập và sau khi ra trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 48 | <b>Thực tập tốt nghiệp</b><br><b>Graduation internship</b><br><b>MHP: TN14048</b> | Thực tập tốt nghiệp là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức công tác thanh thiếu niên vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật đề tác nghiệp tại một đơn vị. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định, Điều lệ của các tổ chức Đoàn, Hội, Đội, các quy tắc đạo đức, ứng xử đã được học vào thực tiễn. |
| 49 | <b>Khóa luận tốt nghiệp</b><br><b>Graduation thesis</b><br><b>MHP: TN15049</b>    | Theo quy định chung của Học viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hải Đăng